

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU  
THÁI NGUYÊN - VIMICO

Số: 54H /TTr - TMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 3 năm 2018

### TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị  
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 1639/QĐ - TMC ngày 24/8/2016 của HĐQT Công ty;

Căn cứ Điều 7, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ.

Thực hiện theo các quy định, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico và ủy quyền cho HĐQT ký ban hành Quy chế theo quy định.

(Có tài liệu gửi kèm)

Trân trọng !

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Đào Minh Sơn





**QUY CHẾ  
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2018  
của HĐQT CTCP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico)

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

1. Đối tượng điều chỉnh

- a) Thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty, các bộ phận và cá nhân giúp việc cho HĐQT, Giám đốc các Công ty con, đơn vị trực thuộc của Công ty.
- c) Cổ đông của Công ty và cá nhân, tổ chức có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Giao dịch với người có liên quan;
- e) Báo cáo và công bố thông tin;

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng định nghĩa được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không giữ chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên được quy định tại khoản 2, Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9, Điều 6 Luật Chứng khoán.

5. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

6. Người điều hành Doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

7. *HDQT* là viết tắt của Hội đồng quản trị Công ty

8. *BKS* là viết tắt của Ban kiểm soát Công ty

9. *DHĐCĐ* là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông

10. *Quản trị Công ty* là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

11. *Điều lệ Công ty* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

12. *UBCKNN* là Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

13. *HNX* là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

14. *VSD* là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty**

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và những người liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

## **Chương II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Mục 1: Cổ đông**

### **Điều 3. Quyền của cổ đông**

1. Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông được quy định tại Điều 11 Điều lệ Công ty và các quyền cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.

c) Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

4. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:

a) Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty quy định;

b) Cổ đông được đối xử công bằng.

c) Cổ đông có quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Quy chế này đều là cổ phần phổ thông.

6. Cổ đông lớn có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

## **Mục 2**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị (HĐQT) triệu tập Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên trong thời hạn không quá 04 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Điều lệ Công ty.

Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính

năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên.

2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông phải bao gồm Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại ĐHĐCĐ.

3. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những công việc sau đây:

a) Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập Giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b) Xác định chương trình họp, nội dung tài liệu;

c) Chuẩn bị tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ.

đ) Ủy quyền cho Giám đốc Công ty thông báo với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ.

e) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp

f) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của đại hội; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

g) Công bố thông tin trên bản tin điện tử của HNX, UBCKNN và công bố thông tin trên website của Công ty.

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

4. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký; trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cá nhân tại nơi làm việc.

5. Trong điều kiện bình thường, thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm theo Thông

báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hộ để các cổ đông có quyền tiếp cận theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

1. Các điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông xác nhận tham dự ĐHĐCĐ: Về nguyên tắc, cổ đông có quyền tham dự tất cả ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 19 của Điều lệ Công ty. Tuy nhiên, để giúp cho HĐQT, Ban tổ chức Đại hội tổ chức tốt và hạn chế lãng phí, cổ đông sẽ xác nhận trước việc tham dự ĐHĐCĐ bằng một hay nhiều hình thức: gửi email, fax hoặc gửi giấy xác nhận dự họp bằng đường bưu điện cho Công ty, đăng ký trực tiếp với Ban tổ chức Đại hội hoặc Thư ký Công ty ít nhất 05 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ.

3. Cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

### **Điều 6. Cách thức biểu quyết, cách thức kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết**

Các quy định về thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Công ty và Điều 142 Luật Doanh nghiệp. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **1. Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp**

Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó (mã cổ đông). Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chịu trách nhiệm tiến hành kiểm phiếu theo quy định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc không có ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

2. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Quyết định các vấn đề cần phải lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa



chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (ii) Mục đích lấy ý kiến; (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; (v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; (vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty; (viii) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.

- Chuẩn bị dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

b) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

c) HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp ;



- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - Các vấn đề đã được thông qua;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu;
- d) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu (trong trường hợp Công ty chưa có webiste) hoặc phải công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- e) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật.
- g) Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Điều kiện thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Điều 20 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

### 3. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

a) Tại ĐHĐCĐ, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng thẻ biểu quyết để biểu quyết không tán thành hoặc có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.

b) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 17 của Điều lệ Công ty.

- Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết và nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

## **Điều 7. Ghi và lập biên bản ĐHĐCĐ**

1. Thư ký ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến ĐHĐCĐ sau đó lập biên bản ĐHĐCĐ và Chủ tọa thông qua tại ĐHĐCĐ trước khi bế mạc cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa Đại hội và Thư ký.

2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.

## **Điều 8. Thông báo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng**

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp (trong trường hợp công ty chưa có website) hoặc phải được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và HNX.

2. Việc công bố thông tin trên website của Công ty và gửi thông tin cho UBCKNN, SGDCK phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời và phải do Giám đốc Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **Điều 9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ**

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ phải thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);

4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc công ty;

5. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
6. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

#### **Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ**

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
4. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty;
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc và các cổ đông.

### **CHƯƠNG III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại



với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

1. Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên HĐQT.

2. Những người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì ĐHĐCĐ quyết định có bầu tiếp hay không. Kết quả bầu cử được công nhận ngay sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua.

### **Điều 13. Tư cách thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT là những người có tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d) Trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không được kiêm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty.

#### **Điều 14. Thành phần HĐQT**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn. Số thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Các thành viên của HĐQT do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3, Điều 11 Quy chế này.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 15. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi cao nhất của cổ đông và của Công ty. Đảm bảo toàn bộ các cổ đông được đối xử công bằng theo các quyền khác nhau của cổ đông. Có cam kết mạnh mẽ trong việc gia tăng lợi ích và giá trị cho các cổ đông.

001  
NG  
PH  
OAI  
NG  
MIC  
NT

3. Thành viên HĐQT phải thực hiện nhiệm vụ theo đúng pháp luật và nỗ lực để Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật; tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận; dành đủ thời gian để tìm hiểu và nắm vững tình hình sản xuất kinh doanh và các khuôn khổ chính trị, xã hội và pháp luật trong lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động.

4. Thành viên HĐQT báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty (nếu có).

5. Thành viên HĐQT báo cáo UBCKNN, HNX và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT đảm bảo hoạt động của Công ty phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về những hoạt động của Công ty.

3. HĐQT đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHCĐ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

5. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

2. Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

5. Theo quyết định của ĐHĐCĐ

6. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

### **Điều 18. Hợp Hội đồng quản trị**

Các quy định về triệu tập họp HĐQT, điều kiện tổ chức họp, cách thức biểu quyết và biên bản cuộc họp HĐQT được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và Điều 153, Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

Thông qua các quyết định của HĐQT:

#### **1. Biểu quyết**

a) Trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 01 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

#### **e) Công khai lợi ích**

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

#### **g) Biểu quyết đa số**

Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

h) Việc bỏ phiếu của người vắng mặt

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

2. Nghị quyết bằng văn bản

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

3. Biên bản cuộc họp HĐQT

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký ít nhất của 01 thành viên HĐQT tham gia cuộc họp và có đóng dấu của Công ty. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

## CHƯƠNG IV

### BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN KIỂM SOÁT VIÊN

#### Điều 19. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được đưa vào tài liệu họp ĐHCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ trên website của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng viên Kiểm soát viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;



- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Ban kiểm soát (nếu có).

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 20. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên Ban kiểm soát.

2. Những người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì ĐHĐCĐ quyết định có bầu tiếp hay không. Kết quả bầu cử được công nhận ngay sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua.

#### **Điều 21. Tư cách thành viên Ban kiểm soát**

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người trong bộ phận kế toán tài chính và không phải Giám đốc tài chính của Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

### **Điều 22. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 5 người do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn.
2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát mới được bầu và tiếp quản công việc.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3, Điều 19 Quy chế này.

### **Điều 23. Quyền và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc và người, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT, Giám đốc và cổ đông.
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48)

giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 10 Quy chế này;

6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty;

7. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khác khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

#### **Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

5. Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

7. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

#### **Điều 25. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong năm. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 03 (ba) người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT, Giám đốc và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

**CHƯƠNG V**  
**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM**  
**MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO**

**Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty**

1. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp, Điều 30 Điều lệ Công ty.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản trị kinh doanh trong ngành nghề chính của Công ty.

- Trung thực, mẫn cán và có uy tín;

- Không đồng thời làm Giám đốc ở một đơn vị khác;

- Giám đốc do HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn Phó Giám đốc Công ty

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản trị kinh doanh trong một hoặc một số ngành nghề của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực phân công;

- Trung thực, mẫn cán và có uy tín;

- Do Giám đốc giới thiệu, đề cử để HĐQT quyết định bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng Công ty

- Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;

- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ Đại học trở lên.

- Có thời gian công tác trong lĩnh vực kế toán ít nhất 05 (năm) năm.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.

- Trung thực, mẫn cán và có uy tín;

- Do Giám đốc Công ty giới thiệu, đề cử để HĐQT quyết định bổ nhiệm.

**Điều 27. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao**

Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấp nhận từ chức đối với cán bộ quản lý cấp cao theo quy định của Công ty về quản lý cán bộ.

1. Đối với Giám đốc Công ty : Hội đồng quản trị đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với cá nhân được đề xuất.

2. Đối với Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty: Giám đốc Công ty căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc đề xuất lựa chọn cán bộ đề giới thiệu cho HĐQT xem xét, quyết định.

3. Sau khi tập hợp danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý cán bộ của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức biểu quyết theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty để ra nghị quyết và quyết định bổ nhiệm vào vị trí đã biểu quyết.

#### **Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý cấp cao**

1. Cán bộ quản lý cấp cao xin từ chức phải làm đơn gửi HĐQT, HĐQT sẽ xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận được đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có quyết định của HĐQT thì cán bộ quản lý cấp cao đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. HĐQT Công ty có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao trong các trường hợp sau:

- Do yêu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- Sức khỏe của cá nhân không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- Cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ Công ty, nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc phải chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định buộc thôi việc.

#### **Điều 29. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật Chứng khoán.

### **CHƯƠNG VI**

#### **QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 30. Quyền, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị có quyền, nhiệm vụ và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định khác của pháp luật.

10100  
NG  
PH  
OAI  
V  
ICO  
NT.TV

### **Điều 31. Hoạt động của Giám đốc Công ty**

1. Giám đốc Công ty do HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT và chủ động tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc được quy định chi tiết tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

### **Điều 32. Mối quan hệ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty**

1. Giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình HĐQT; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công ty, Giám đốc báo cáo HĐQT để ra quyết định điều chỉnh. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại thì Giám đốc Công ty vẫn phải thực hiện theo nghị quyết của HĐQT nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước ĐHĐCĐ gần nhất.

2. Giám đốc Công ty được quyền từ chối thi hành vào bảo lưu các ý kiến đối với quyết định của HĐQT nếu thấy quyết định đó trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với HĐQT, BKS bằng văn bản. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc Công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của HĐQT.

3. Giám đốc Công ty có quyền quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay với HĐQT và ĐHĐCĐ trong thời gian gần nhất.

4. Giám đốc Công ty phải báo cáo trong cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ các nội dung được HĐQT, ĐHĐCĐ yêu cầu.

### **Điều 33. Quyền và nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty có quyền, nhiệm vụ và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

## **CHƯƠNG VII**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những

thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHCĐ chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.



### **Điều 35. Giao dịch với người liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.

3. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

## **CHƯƠNG VIII BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 36. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động SXKD của Công ty, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

2. Việc công bố thông tin được thực hiện đảm bảo cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

### **Điều 37. Chế độ báo cáo, giám sát và xử lý vi phạm**

#### **1. Chế độ báo cáo**

Định kỳ hàng năm Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế quản trị với UBCKNN, HNX và các cơ quan thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **2. Giám sát**

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan, các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của UBCKNN, SGDCK và các cơ quan thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **3. Xử lý vi phạm**

Công ty, tổ chức và cá nhân có liên quan không thực hiện các quy định tại quy chế này và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty mà không công bố thông tin và báo cáo UBCKNN, HNX theo quy định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



## **CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 38. Tổ chức thực hiện**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua, trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh thì HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đào Minh Sơn**

